

Số: 06 /QĐ-VP

Phạm Sự Mạnh, ngày 17 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi bổ sung ngân sách của Văn phòng HĐND-UBND phường năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG HND-UBND PHƯỜNG PHẠM SỰ MẠNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Phạm Sự Mạnh về việc phân bổ kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn phường;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán Văn phòng HĐND-UBND phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện giao dự toán thu, chi bổ sung ngân sách của Văn phòng HĐND-UBND phường năm 2025 để thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn phường. Chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán Văn phòng HĐND-UBND phường, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu VP.



Vũ Văn Huân

Đơn vị: Văn phòng HĐND-UBND phường Phạm Sư Mạnh

Chương:

**DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO
CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-VP ngày 24 tháng 8 năm 2025
của UBND phường Phạm Sư Mạnh)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ cho Văn phòng HĐND-UBND
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	-	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	50,000,000	50,000,000
1	Chi quản lý hành chính	50,000,000	50,000,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	50,000,000	50,000,000
2	Nghiên cứu khoa học		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5	Chi bảo đảm xã hội		
6	Chi hoạt động kinh tế		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-
11	Chi Chương trình mục tiêu		